TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 29 - 4 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG

TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Vui;

Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HSST-QĐ, số 05/2020/HSST-QĐ ngày 26/3/2020 và số 10/2020/HSST-QĐ ngày 13/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và Tên: Phạm Thành C (tên gọi khác: Th), sinh năm 1992, tại Đắk Nông; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 14, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; Nơi tạm trú: Khu 8, phường Q, thành phố E, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N; tiền án không; tiền sự không; nhân thân: Bị cáo không có án tích. Bị tạm giữ ngày 12/10/2019. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ NLQ1 , sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện T, tỉnh Nam Định.

2/ NLQ2, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

3/ NLQ3, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

4/ NLQ4, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp O, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

5/ NLQ5, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện I, tỉnh Bình Dương

6/ NLQ6, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

7/ NLQ7, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

8/ NLQ8, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp G, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

9/ NLQ9, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

10/ NLQ10, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

11/ NLQ11, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện I, tỉnh Bình Dương.

12/ NLQ12, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện I, tỉnh Bình Dương.

13/ NLQ13, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp G, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

14/ NLQ14, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp K, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

15/ NLQ15, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện I, tỉnh Bình Dương.

16/ NLQ16, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp L, xã U, huyện I, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà NLQ5 có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ4, NLQ16 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thành C (tên gọi khác là Th) và NLQ1 làm công việc cho vay tiền và thu tiền lãi cho người đàn ông tên H1 (không xác được nhân thân lai lịch) trên địa bàn huyện I, tỉnh Bình Dương.

Từ khoảng tháng 02/2019 theo sự hướng dẫn của người tên D (D là người làm thuê cho H1, không xác định được nhân thân lai lịch), bị cáo Phạm Thành C cho người dân trên địa bàn xã S và xãU, huyện I vay tiền với lãi suất cao, hàng ngày đi thu tiền trả góp, số tiền thu được bị cáo giao lại cho đối tượng H1.

Từ khoảng đầu tháng 09/2019, qua sự giới thiệu của H1, NLQ1 đến gặp bị cáo để học việc. Bị cáo dẫn NLQ1 đi theo thu tiền góp được 04 lần, những lần này NLQ1 đi theo để làm quen đường ở khu vực 02 xã U và S huyện I vì NLQ1 mới ở Nam Định vào. Việc thu tiền góp là do bị cáo C thu, NLQ1 không biết thu bao nhiêu, thu của ai. Sau khi đi với bị cáo được 04 lần thì NLQ1 nghỉ về thành phố Hồ Chí Minh chơi. Đến cuối tháng 9/2019, H1 gọi điện cho NLQ1,

NLQ1 và H1 đến nhà bà NLQ16 cho NLQ16 vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày NLQ16 góp 400.000 đồng, H1 thu 500.000 đồng tiền phí dịch vụ, NLQ16 trả trước cho H1 02 ngày tiền góp là 800.000 đồng. NLQ1 thu tiền góp của NLQ16 được 03 lần, 02 lần đầu NLQ16 đóng đủ 400.000 đồng/01 ngày, lần thứ 03, NLQ16 đóng 200.000 đồng. Số tiền thu của NLQ16, NLQ1 đưa lại cho bị cáo, bị cáo giao lại cho H1.

Sau khi đóng tiền góp cho NLQ1 được 03 lần thì NLQ16 không đóng nữa, đến ngày 10/10/2019, NLQ1 điều khiển xe môtô Yamaha Exciter, màu trắng - đỏ, biển số: 61K1 - 067.59 chở bị cáo đi thu tiền góp. Khi gặp bà NLQ16 để thu tiền thì NLQ16 không trả nên giữa hai bên xảy ra xô xát.

Ngày 11/10/2019, NLQ16 làm đơn trình báo việc bà bị đánh, đồng thời nộp đơn tố giác đối với hành vi cho vay lãi nặng của đối tượng tên H1 và NLQ1. Quá trình xác minh tin báo, nhận thấy bị cáo Phạm Thành C có hành vi cho vay lãi nặng, ngày 12/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I đã tạm giữ bị cáo trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra xác định:

Từ cuối tháng 9/2019 đến ngày 09/10/2019, theo sự hướng dẫn của bị cáo, NLQ1 đã thu tiền góp của NLQ4 số tiền 42.000.000 đồng (NLQ1 đi cùng bị cáo, thu 24.000.000 đồng, NLQ1 đi một mình thu 18.000.000 đồng); thu của NLQ9 (Bể) 9.000.000 đồng; thu của NLQ5 3.000.000 đồng; thu của NLQ12 1.600.000 đồng; thu của NLQ6 1.000.000 đồng; thu của NLQ3 1.000.000 đồng; thu của NLQ7 1.200.000 đồng; thu của bà NLQ16 1.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ1 thu của người vay là 74.200.000 đồng. Trong đó số tiền lãi đã thu là 9.971.000 đồng. Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì NLQ1 chỉ được phép thu số tiền lãi là 1.052.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền được pháp luật cho phép, NLQ1 thu lợi bất chính số tiền 8.919.000 đồng. Sau khi thu tiền góp của người vay, NLQ1 nộp lại cho bị cáo Phạm Thành C.

Từ ngày 12/02/2019 đến ngày 10/10/2019, bị cáo Phạm Thành C đã cho 14 người vay và thu tiền góp của 14 người trên địa bàn huyện I cụ thể:

1. NLQ2: NLQ2 vay tiền của bị cáo từ ngày 25/3/2019 đến ngày 25/9/2019 với 07 lần vay tiền, số tiền vay mỗi lần là 20.000.000 đồng, góp 41 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Phí dịch vụ bị cáo thu ngay khi cho vay là 8.000.000 đồng của 07 lần vay (lần đầu phí 2.000.000 đồng, 06 lần vay sau, mỗi lần 1.000.000 đồng). Tổng số tiền 07 lần vay là 140.000.000 đồng, tổng số tiền NLQ2 phải trả cho bị cáo là 172.200.000 đồng, NLQ2 đã trả cho bị cáo 156.600.000 đồng, còn nợ 15.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 37.280.000đ (trong đó có 8.000.000 đồng tiền phí và 29.280.000 đồng tiền lãi). Theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì C chỉ được phép thu số tiền lãi là 2.871.000 đồng, với mức lãi suất là 2.25%/41ngày. Như vậy, sau khi trừ số tiền lãi được pháp luật cho phép giao dịch, bị cáo thu lợi bất chính

số tiền là 34.409.000 đồng. Mức lãi xuất bị cáo cho NLQ2 vay là 23%/41/ngày, gấp 10.2 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

2. NLQ3: Từ tháng 08/2019 đến ngày 10/10/2019, NLQ3 vay tiền của bị cáo 02 lần, mỗi lần vay 15.000.000 đồng, góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng. Bị cáo thu phí dịch vụ 2.250.000 đồng đối với 02 lần vay (lần vay đầu thu phí 1.500.000 đồng, lần vay thứ hai thu phí 750.000 đồng). Tổng số tiền 02 lần vay là 30.000.000 đồng, số tiền NLQ3 phải trả cho bị cáo là 37.000.000 đồng, NLQ3 đã trả được 26.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng. Bị cáo C thu lợi số tiền: 7.167.000 đồng (trong đó trong đó có 4.917.000 đồng tiền lãi, 2.250.000 đồng tiền phí). Theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/01năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo C chỉ được phép thu số tiền lãi là 426.000 đồng, với mức lãi suất 2.02%/37 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền là: 6.741.000 đồng. Lãi suất bị cáo cho NLQ3 vay là 23.3%/37 ngày, gấp 11,5 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

3. NLQ4: NLQ4 vay tiền bị cáo C 02 lần, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 10/8/2019 NLQ4 vay bị cáo số tiền 100.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 41 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng. Bị cáo thu 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền góp số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ4 phải trả cho bị cáo là 123.000.000 đồng, NLQ4 đã trả cho bị cáo số tiền 66.000.000 đồng, còn nợ 57.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 22.320.000 đồng, trong đó có 12.320.000 đồng tiền lãi, 10.000.000 đồng tiền phí.

Lần thứ 2: Ngày 07/9/2019 NLQ4 vay bị cáo số tiền 100.000.000 đồng góp cả tiền gốc và lãi trong 41 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng. Bị cáo trừ 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền góp số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ4 phải trả cho bị cáo là 123.000.000 đồng, NLQ4 đã trả cho bị cáo 60.000.000 đồng, còn nợ 63.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 21.200.000đ, trong đó có 11.200.000 đồng tiền lãi, 10.000.000 đồng tiền phí.

Ngày 07/9/2019 NLQ4 gộp số tiền nợ 57.000.000 đồng của lần vay thứ 1 và tiền nợ 63.000.000 đồng của lần mượn thứ 2 lại thành tổng số tiền nợ là 120.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 40 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng. NLQ4 đã góp cho bị cáo số tiền 93.000.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 15.500.000 đồng.

Như vậy, NLQ4 vay tiền bị cáo 02 lần, mỗi lần vay 100.000.000 đồng, trả trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày 3.000.000 đồng. Bị cáo thu phí dịch vụ 02 lần vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ4 vay bị cáo là 200.000.000 đồng, số tiền NLQ4 phải trả là 246.000.000 đồng, NLQ4 đã trả được 219.000.000 đồng, còn nợ 27.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi số tiền 59.020.000 đồng (trong đó 39.020.000 đồng tiền lãi, 20.000.000 đồng tiền phí dịch vụ).

Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 4.015.000 đồng, với mức lãi suất 2.25%/41 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính 55.005.000 đồng. Mức lãi xuất bị cáo cho NLQ4 vay là 23%/41 ngày, gấp 10.2 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

4. NLQ5: NLQ5 vay tiền bị cáo từ ngày 12/2/2019 đến 22/9/2019 tổng số 10 lần, mỗi lần vay 15.000.000 đồng, trả góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ 7.500.000 đồng trong 10 lần vay. Tổng số tiền 10 lần vay là 150.000.00 đồng. Tổng số tiền NLQ5 phải trả cho bị cáo là 185.000.000 đồng, NLQ5 đã trả cho bị cáo số tiền 175.500.000 đồng, còn nợ 9.500.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 40.702.000 (trong đó có 7.500.000 đồng tiền phí và 33.200.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi 2.875.000 đồng, với mức lãi suất 2.02%/37 ngày. Như vậy, Sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 37.827.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ5 vay là 23.3%/37 ngày, gấp 11.5 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

5. NLQ6: Ngày 23/9/2019 NLQ6 vay của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, trả góp cả tiền gốc và lãi trong 24 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, tiền phí dịch vụ là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ6 phải trả cho bị cáo là 24.000.000 đồng, NLQ6 đã trả được số tiền 17.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 3.822.000 đồng (trong đó có 1.000.000đ tiền phí và 2.822.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 187.000 đồng, với mức lãi suất 1.32%/24 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.635.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ6 vay là 20%/24 ngày, gấp 15 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

6. NLQ7: Tháng 7/2019, NLQ7 vay bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 41 ngày, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ 1.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ7 phải trả cho bị cáo là 24.600.000 đồng, NLQ7 đã trả đươc số tiền 24.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 5.600.000 đồng (trong đó 1.000.000 đồng tiền phí và 4.600.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 451.000 đồng, với mức lãi suất 2.25%/41 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 5.149.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ7 vay là 23%/ngày, gấp 10.2 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

7. Ông NLQ8: NLQ8 vay tiền bị cáo 02 lần, cụ thể:

Lần vay thứ 1: Tháng 6/2019 NLQ8 vay bị cáo số tiền 3.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 24 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 150.000 đồng. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ 150.000 đồng. Tổng số tiền NLQ8 phải trả cho bị cáo là

3.600.000 đồng, NLQ8 đã trả được số tiền 3.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 750.000 đồng (trong đó 150.000 đồng tiền phí và 600.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 39.000 đồng, với mức lãi suất 1.32%/24 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 711.000 đồng. Mức lãi xuất bị cáo cho NLQ8 vay là 20%/24 ngày, gấp 15 lần mức lãi xuất pháp luật quy định.

Lần vay thứ 2: Tháng 8/2019 NLQ8 vay bị cáo số tiền 5.000.000 đồng góp cả tiền gốc và lãi trong 31 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 200.000 đồng. Bị cáo thu phí dịch vụ 250.000 đồng. Tổng số tiền NLQ8 phải trả cho bị cáo 6.200.000 đồng, NLQ8 đã trả được số tiền 4.200.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi 1.069.000 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền phí và 819.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/ năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi 57.500 đồng, với mức lãi suất 1.70%/31 ngày. Như vậy, Sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.011.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ8 vay là 24%/31 ngày, gấp 14 lần mức lãi xuất pháp luật quy định.

8. NLQ9: NLQ9 vay tiền bị cáo 04 lần, cụ thể:

Lần vay thứ 1: Tháng 3/2019 NLQ9 vay bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 40 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 300.000 đồng, tiền phí dịch vụ 500.000 đồng. Tổng số tiền NLQ9 phải trả cho bị cáo là 12.500.00 đồng, NLQ9 đã trả được số tiền 11.100.000 đồng, còn nợ 900.000 đồng (số nợ này đã được trừ trong lần vay thứ 2).

Lần vay thứ 2: Tháng 4/2019 NLQ9 vay bị cáo số tiền 10.000.000 đồng góp cả tiền gốc và lãi trong 40 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 300.000 đồng. Tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng, thu trước 02 ngày tiền góp số tiền 600.000 đồng, thu nợ 900.000 đồng lần vay thứ 1. Tổng số tiền NLQ9 phải trả cho bị cáo là 12.000.000 đồng, NLQ9 đã trả được số tiền 11.100.000 đồng và nợ lại số tiền 900.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ9 vay 20%/tháng, gấp 9 lần mức lãi xuất pháp luật pháp luật quy định.

Lần vay thứ 3: Tháng 5/2019, NLQ9 vay của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 40 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 600.000 đồng. Tiền phí dịch vụ bị cáo thu là 1.000.000 đồng, thu trước 02 ngày số tiền 1.200.000 đồng, thu nợ 900.000 đồng lần vay thứ 2. Tổng số tiền NLQ9 phải trả cho bị cáo là 24.000.000 đồng, NLQ9 đã trả 21.000.000 đồng và nợ lại số tiền 3.000.000 đồng

Lần vay thứ 4: Tháng 6/2019, NLQ9 vay bị cáo số tiền 30.000.000, góp cả tiền gốc và lãi trong 40 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 900.000 đồng. Bị cáo trừ 1.500.000 đồng tiền phí dịch vụ, thu trước 02 ngày số tiền 1.800.000 đồng, thu nợ 3.000.000 đồng lần vay thứ 3. Tổng số tiền NLQ9 phải trả cho bị cáo là

36.000.000 đồng, NLQ9 đã trả cho bị cáo 20 ngày, số tiền 18.000.000 đồng còn nợ 20 ngày, số tiền 18.000.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ9 vay.

Như vậy NLQ9 vay tiền C 04 lần, tổng số tiền 70.000.000 đồng số tiền NLQ9 phải trả là 84.000.000 đồng, NLQ9 đã trả được 66.000.000 đồng, còn nợ 18.000.000 đồng.

Bị cáo thu lợi 14.5000.000 đồng (trong đó có 3.500.000 đồng tiền phí và 11.000.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/ năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi 1.210.000 đồng, với mức lãi suất 2.2%/40 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 13.290.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ9 vay là 20%/40 ngày, gấp 9.1 lần mức lãi xuất pháp luật quy định.

9. NLQ10: Tháng 7/2019 NLQ10 vay bị cáo số tiền 50.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 50 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 1.250.000 đồng. Tiền phí dịch vụ là 2.500.000 đồng. Tổng số tiền NLQ10 phải trả cho bị cáo là 62.500.000 đồng, NLQ10 đã trả được số tiền 62.500.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 15.000.000 đồng (trong đó có 2.500.000 đồng tiền phí và 12.500.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 1.350.000 đồng, với mức lãi suất 2.74%/50 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 13.650.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ10 vay là 25%/50 ngày, gấp 9.1 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

10. NLQ11: Tháng 9/2019 NLQ11 vay bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, góp cả tiền gốc và lãi trong 30 ngày liên tiếp, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Tiền phí dịch vụ là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ11 phải trả cho bị cáo là 12.000.000 đồng, NLQ11 đã trả được số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng.. Bị cáo thu lợi được 2.340.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí và 1.340.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 110.000 đồng, với mức lãi suất 1.65%/30 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 2.230.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ11 vay là 20%/30 ngày, gấp 12.1 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

11. NLQ12: NLQ12 vay tiền bị cáo từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 với 04 lần vay. Số tiền vay mỗi lần là 10.000.000 đồng, góp 31 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ là 2.800.000 đồng trong 04 lần vay (lần đầu 1.000.000 đồng; 03 lần vay sau, mỗi lần 600.000 đồng). Tổng số tiền 04 lần vay là 40.000.000 đồng, tổng số tiền NLQ12 phải trả cho bị cáo là 49.600.000 đồng, NLQ12 đã trả cho được số tiền là 41.200.000 đồng, còn nợ 8.400.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 10.770.000 đồng (trong đó có 2.800.000 đồng tiền phí và 7.970.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ

luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 565.000 đồng, với mức lãi suất 1.70%/ 31 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 10.205.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ12 vay là 24%/ 31 ngày, gấp 14.1 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

12. NLQ13: Từ ngày 22/8/2019 đến ngày 02/10/2019, NLQ13 vay tiền bị cáo 03 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, góp 24 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng/01 lần vay. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ là 2.000.000 đồng (lần đầu 1.000.000 đồng, 02 lần vay sau, mỗi lần 500.000 đồng). Tổng số tiền 04 lần vay là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ13 phải trả cho bị cáo là 72.000.000 đồng, NLQ13 đã trả được số tiền là 56.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 11.328.000 đồng (trong đó có 2.000.000 đồng tiền phí và 9.328.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 616.000 đồng, với mức lãi suất 1.32%/24 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 10.712.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ13 vay là 12%/21 ngày, gấp 9.1 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

13. NLQ14: Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019, NLQ14 vay tiền bị cáo 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, góp 31 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng. Bị cáo thu tiền phí dịch vụ 1.600.000 đồng (lần vay đầu thu phí 1.000.000 đồng, lần vay sau thu 600.000 đồng). Tổng số tiền 02 lần vay là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ14 phải trả cho bị cáo là 24.800.000 đồng, NLQ14 đã trả được 20.400.000 đồng, còn nợ 4.400.00 đồng. Bị cáo thu lợi được 5.925.000 đồng (trong đó 1.600.000 đồng tiền phí và 4.325.000 tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 308.000 đồng, với mức lãi suất 1.70%/31 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 5.618.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ14 vay là 24%/31 ngày, gấp 14 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

14. NLQ15: Từ tháng 7/2019, NLQ15 vay tiền bị cáo 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng/01 lần vay. Bị cáo thu phí dịch vụ 500.000 đồng trong mỗi lần vay. Tổng số tiền 02 lần vay là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền NLQ15 phải trả cho bị cáo là 12.500.000 đồng, NLQ15 đã trả được 12.500.000 đồng. Bị cáo thu lợi được 3.500.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí và 2.500.000 đồng tiền lãi). Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 137.000 đồng, với mức lãi suất 1.38%/25 ngày. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 3.363.000 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho NLQ15 vay là 25%/25 ngày, gấp 18 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

Như vậy, tổng số tiền gốc bị cáo Phạm Thành C cho vay là 828.000.000 đồng, số tiền mà người vay phải trả là 1.016.000.000 đồng, người vay đã trả được 893.100.000 đồng, còn nợ lại 122.900.000 đồng. Bị cáo Phạm Thành C thu lợi số tiền 218.773.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng), trong đó có 54.550.000 đồng tiền phí dịch vụ và 164.221.000 đồng tiền lãi. Tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) đối với khoản vay trên, thì bị cáo chỉ được phép thu số tiền lãi là 15.217.500 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi được pháp luật cho phép giao dịch, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 203.555.500 đồng. Mức lãi suất bị cáo cho người vay gấp từ 09-18 lần mức lãi suất pháp luật quy định.

Ngoài ra bị cáo còn khai báo cho 08 người dân khác trên địa bàn huyện I, tỉnh Bình Dương vay tiền. Tuy nhiên do 08 người trên không có địa chỉ rõ ràng hoặc có địa chỉ, tên tuổi nhưng bỏ đi nơi khác sinh sống, không xác định hiện nay làm gì và ở đâu, việc giao dịch vay mượn tiền diễn ra ở khu vực công cộng, không có căn cứ xác định thời gian vay, hình thức vay và số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy không đề cập xử lý việc cho vay của bị cáo đối với 08 trường hợp này.

Đối với người tên H1 và D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ra thông báo truy tìm đối tượng nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác định được sẽ tiến hành điều tra giải quyết sau.

Đối với NLQ1 (Long), quá trình điều tra xác định: NLQ1 trực tiếp cho bà T (bạn của NLQ16), vay số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình xác minh không xác định được người tên T như NLQ1 khai nên không đề cập giải quyết.

Từ cuối tháng 9/2019 đến ngày 09/10/2019, NLQ1 đi thu tiền góp và thu lợi bất chính số tiền 8.919.000 đồng**,** với mức lãi suất gấp từ 09 -14 lần mức lãi suất Nhà nước quy định. Số tiền này, NLQ1 nộp lại cho bị cáo. Xét thấy, NLQ1 có hành vi đi thu tiền góp theo sự chỉ đạo của bị cáo, nhưng số tiền thu lợi bất chính dưới mức pháp luật hình sự quy định nên hành vi của NLQ1 không cấu thành tội phạm.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSDT-HS ngày 20/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương, truy tố bị cáo Phạm Thành C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thành C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thành C từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; số loại Excitter; màu trắng - đỏ; biển số 61K1 – 067.59; số máy G3D4E290094; số khung 0610GY276185 cùng 01 chứng nhận đăng ký xe môtô biển số 61K1 – 067.59; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 354205106784249;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 08/8/2013;

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 06/6/2018 và 01 giấy phép lái xe số AR 135541 mang tên Phạm Thành C, là giấy tờ hợp pháp của bị cáo.

- Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 01 điện thoại di động hiệu Samsung số IMEI: 1357931092725485, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu xanh, số IMEI: 352518090189049 và 01 căn cước công dân số 036085011832 tên NLQ1.

- Buộc bị cáo Phạm Thành C nộp 828.000.000 đồng là khoản tiền gốc cho vay, đây là phương tiện phạm tội; 54.550.000 đồng là tiền phí dịch vụ; 15.217.500 đồng là số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất pháp luật quy định, là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đề nghị buộc bị cáo nộp lại, sung ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Thành C trả cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền 149.005.500 đồng (một trăm bốn mươi chín ngàn không trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng) là số tiền thu vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định. Cụ thể: trả lại bà NLQ2 số tiền 26.409.000 đồng; trả lại NLQ3 4.491.000 đồng; trả lại NLQ4 35.005.000 đồng; trả lại NLQ5 30.327.000 đồng; trả lại NLQ6 2.635.000 đồng; trả lại NLQ7 4.149.000 đồng; trả lại NLQ8 1.322.500 đồng; trả lại NLQ9 9.790.000 đồng; trả lại NLQ10 11.150.000 đồng; trả lại NLQ11 1.230.000 đồng; trả lại bà NLQ12 7.405.000 đồng; trả lại NLQ13 8.712.000 đồng; trả lại NLQ14 4.017.000 đồng; trả lại NLQ15 2.363.000 đồng.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, biển số: 61G1 – 597.54, của bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2001. HKTT: ấp V, xã N, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Dầu Tiếng trả lại giấy đăng ký xe mô tô này cho bà T theo Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ ngày 08/01/2020.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thành C thừa nhận hành vi phạm tội đã cho 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với tổng số tiền 828.000.000 đồng; số tiền gốc và lãi phải trả là 1.015.800.000 đồng; số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 203.555.500 đồng (trong đó tiền phí dịch vụ là 54.550.000 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định là 149.005.500 đồng); thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện Kiểm sát đã truy tố.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo về số tiền vay, mức lãi suất, phí dịch vụ, số tiền đã trả và số tiền còn nợ. Trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai tại Cơ quan điều tra để xét xử; có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là NLQ5 yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền lãi vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định mà bà đã trả cho bị cáo; bà đồng ý nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội. Bị cáo cho rằng mức hình phạt đại diện Việt Kiểm sát đề nghị là nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo cơ hội tự cải sửa để làm công dân có ích cho xã hội.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ16 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào lời khai của NLQ16 được thu thập trong quá trình điều tra để xét xử.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1. Lời khai của NLQ1 tại các biên bản lấy lời khai trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Tòa án căn cứ vào lời khai của NLQ1 được thu thập trong quá trình điều tra để xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thành C khai nhận từ khoảng tháng 02/2019 đến tháng 10/2019, bị cáo đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các ông bà: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15 vay với tổng số tiền 828.000.000 đồng; số tiền gốc và lãi phải trả là 1.015.800.000 đồng; số tiền bị cáo thu lợi 218.773.000 đồng, gồm số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 203.555.500 đồng (trong đó tiền phí dịch vụ là 54.550.000 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định là 149.005.500 đồng), 15.217.500

đồng tiền lãi trong giới hạn pháp luật cho phép giao dịch (20%/năm). Mức lãi suất cho vay gấp từ 10 đến 18 lần mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Như vậy, bản cáo trạng số 04/CT-VKSDT-HS ngày 20/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Thành C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, tạo sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Là nguyên nhân gián tiếp gây bất ổn trong đời sống xã hội vì những hệ lụy của nó gây ra. Bị cáo có trình độ học vấn 11/12, đủ khả năng để nhận thức được hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp nhiều lần mức lãi suất pháp luật quy định trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, thế nhưng vì tư lợi cá nhân, bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần phải xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, được áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam ngày 12/10/2019. Đến ngày xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bị tam giam 06 tháng 17 ngày. Thời gian bị cáo bị tạm giam cũng đủ để răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Để bị cáo thấy được tính nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tiếp tục giam mà vận dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[6] Bị cáo đã chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; Số loại Exciter; màu trắng - đỏ; biển số 61K1 - 067.59, số máy G3D4E290094; số khung 0610GY276185 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số 61K1 – 067.59. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã đăng tin tìm chủ sở hữu xe 03 kỳ liên tiếp nhưng đến nay không có ai nhận và báo mất xe. Xét thấy, xe mô tô này do bị cáo sử dụng làm

phương tiện đi cho vay lãi nặng, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 354205106784249. Xét thấy, đây là tài sản của bị cáo, bị cáo dùng điện thoại này làm phương tiện để phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 08/8/2013. Xét thấy, giấy chứng minh này đã được cấp mới lại bằng giấy chứng minh khác nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 06/6/2018 và 01 giấy phép lái số AR 135541 mang tên Phạm Thành C, là giấy tờ hợp pháp của bị cáo. Bị cáo không sử dụng giấy tờ này vào việc phạm tội nên tuyên trả lại bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei: 357931092725485, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, số Imei: 352518090189049 và 01 căn cước công dân số 036085011832 tên NLQ1. Xét thấy, đây là tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ1 không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, biển số: 61G1 – 597.54, của bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2001. HKTT: ấp V, xã N, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Dầu Tiếng trả lại giấy đăng ký xe mô tô này cho bà T theo Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ ngày 08/01/2020.

[8] Biện pháp tư pháp:

[8.1] Đối với số tiền 828.000.000 đồng là khoản tiền cho vay (tiền gốc), đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách nhà nước; đối với khoản tiền 15.227.500 đồng là số tiền lãi bị cáo thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm. Mặc dù đây là mức lãi suất pháp luật cho phép giao dịch nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với số tiền 203.555.500 đồng là số tiền bị cáo thu lợi bất chính. Trong đó 54.550.000 đồng là số tiền phí dịch vụ, buộc bị cáo nộp lại, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 149.005.500 đồng là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định nên buộc bị cáo trả lại cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: trả lại bà NLQ2 26.409.000 đồng; trả lại NLQ3 4.491.000 đồng; trả lại NLQ4 35.005.000 đồng; trả lại NLQ5 31.325.000 đồng; trả lại NLQ6 2.635.000 đồng; trả lại NLQ7 4.149.000 đồng; trả lại ông NLQ8 1.322.000 đồng; trả lại NLQ9 9.790.000 đồng; trả lại NLQ10 11.150.000 đồng; trả lại NLQ11 1.230.000 đồng; trả lại bà NLQ12 7.405.000 đồng; trả lại ông NLQ13 8.712.000 đồng; trả lại NLQ14 4.0127000 đồng; trả lại bà NLQ15 2.363.000 đồng.

[8.3] Đối với số tiền 122.900.000 đồng mà người vay còn nợ bị cáo, trong đó tiền nợ gốc là 100.070.000 đồng, xét thấy đây là khoản tiền bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, cần buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp để sung và ngân sách nhà nước. Cụ thể: Buộc NLQ2 nộp lại 12.683.000 đồng; NLQ3 nộp 4.865.000 đồng; NLQ4 nộp 27.000.000 đồng; NLQ5 nộp 7.702.000 đồng; NLQ6 nộp 5.833.000 đồng; ông NLQ8 nộp 1.612.000 đồng; NLQ9 nộp 15.000.000 đồng; NLQ11 nộp 3.333.000 đồng; bà NLQ12 nộp 6.774.000 đồng; ông NLQ13 nộp 13.333.000 đồng; NLQ14 nộp 1.935.000 đồng; Đối với số tiền nợ lãi là 22.830.000 đồng là khoản tiền lãi từ giao dịch trái pháp luật, do vậy không buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho bị cáo.

[8.4] Đối với số tiền 10.000.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ16 vay của người tên H1; số tiền phí 500.000 đồng và tiền thu góp 800.000 đồng mà NLQ16 đã đóng cho ông H1; số tiền 1.000.000 đồng NLQ16 góp cho NLQ1, NLQ1 giao cho bị cáo, bị cáo giao lại cho H1, do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch người tên H1 nên không có cơ sở xác định giao dịch dân sự giữa NLQ16 và người tên H1 có vi phạm pháp luật hình sự hay không, do vậy không đề cập xử lý, giải quyết trong vụ án này.

[9] Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1 (Long), quá trình điều tra xác định xác định NLQ1 có đi thu tiền góp theo sự chỉ đạo của bị cáo, nhưng số tiền cùng với bị cáo thu lợi bất chính là 8.919.000 đồng nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không khởi tố bị can đối với NLQ1 là phù hợp.

[10] Đối với người tên H1 và D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ra thông báo truy tìm đối tượng nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác định được sẽ tiến hành điều tra giải quyết sau.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về phần hình phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, do vậy Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Việt Kiểm sát đã đề nghị như đã nhận định trên đây. Xét ý kiến của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là NLQ5 yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền lãi vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định mà bà đã trả cho bị cáo là 31.325.000 đồng; NLQ5 đồng ý nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước là 7.702.000 đồng. Ý kiến và yêu cầu của NLQ5 là phù hợp với quy định của pháp luật như Hội đồng xét xử đã nhận định trên đây nên được chấp nhận.

[13] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ4 và bà NLQ16 đã được triệu tập hợp lệ

nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án không làm trở ngại cho việc xét xử, do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[14] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201 các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, 136, 260, 268, 269, 328, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Về hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thành C (Th) phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt bị cáo Phạm Thành C (Th) 06 (sáu) tháng 17 (mười bảy) ngày tù.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Phạm Thành C (Th) ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

II/ Về biện pháp tư pháp:

1/ Buộc bị cáo Phạm Thành C (Th) nộp sốp tiền 897.777.500 đồng (tám trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Gồm 828.000.000 đồng tiền gốc cho vay; 15.227.500 đồng tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định; 54.550.000 đồng tiền phí dịch vụ để sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Phạm Thành C (Th) không nộp số tiền trên, thì bị cáo còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2/ Buộc bị cáo Phạm Thành C (Th) trả lại cho 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án 149.005.500 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu không trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng), là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định. Cụ thể: trả bà NLQ2 26.409.000 đồng; trả NLQ3 4.491.000 đồng; trả NLQ4 35.005.000 đồng; trả NLQ5 31.325.000 đồng; trả NLQ6 2.635.000 đồng; trả NLQ7 4.149.000 đồng; trả ông NLQ8 1.322.000 đồng; trả NLQ9 9.790.000 đồng; trả NLQ10 11.150.000 đồng; trả NLQ11 1.230.000 đồng; trả bà NLQ12 7.405.000 đồng; trả ông NLQ13 8.712.000 đồng; trả NLQ14 (Thanh) 4.0127000 đồng; trả bà NLQ15 2.363.000 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Thành C (Th) không thanh toán số tiền trên, thì bị cáo còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3/ Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp số tiền 100.070.000 đồng tiền nợ gốc để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể: Buộc bà NLQ2 nộp 12.683.000 đồng; NLQ3 nộp 4.865.000 đồng; NLQ4 nộp 27.000.000 đồng; NLQ5 nộp 7.702.000 đồng; NLQ6 nộp 5.833.000 đồng; ông NLQ8 nộp 1.612.000 đồng; NLQ9 nộp 15.000.000 đồng; NLQ11 nộp 3.333.000 đồng; bà NLQ12 nộp 6.774.000 đồng; ông NLQ13 nộp 13.333.000 đồng; NLQ14 nộp 1.935.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ8, NLQ9, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14 không nộp số tiền trên, thì các ông bà còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

III/ Về xử lý vật chứng:

1/ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha; Số loại Exciter; màu trắng - đỏ; biển số 61K1 - 067.59, số máy G3D4E290094; số khung 0610GY276185 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số 61K1 – 067.59;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 354205106784249.

2/ Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 08/8/2013.

3/ Trả lại bị cáo Phạm Thành C (Th) 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Thành C số 245212403 cấp ngày 06/6/2018 và 01 giấy phép lái xe số AR 135541 mang tên Phạm Thành C, là giấy tờ hợp pháp của bị cáo.

4/ Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei: 357931092725485, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, số Imei: 352518090189049 và 01 căn cước công dân số 036085011832 tên NLQ1.

Các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đang tạm giữ (thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2020).

IV/ Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thành C phải chịu 200.000 đồng

(hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Phạm Thành C phải chịu 7.450.275 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHADS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Phòng PV 06, CA tỉnh bình Dương;
- UBND xã A, H. B, Đắk Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan